TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2023/DS-PT
Ngày 13-3-2023
V/v "Tranh chấp tài sản chung, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Phong

Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 197/2022/TLST-DS, ngày 26/12/2022 về việc "Tranh chấp tài sản chung, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế". Do Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ông Lương Văn L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Ng, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 491, QL 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn*: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1952; Địa chỉ: Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Mông Văn Ch, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 25, Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Lương Văn H, sinh năm 1968

4. Bà Lương Thị N, sinh năm 1966

5. Ông Lương Văn X, sinh năm 1963

6. Ông Lương Văn Th, sinh năm 1972

7. Ông Lương Văn Ngh, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn.

8. Văn phòng công chứng B

Địa chỉ: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Hoàng Anh, sinh năm 1996.

** Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Lương Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lương Văn L, đại diện là bà Đào Thị Ng trình bày: Ông Lương Văn L là con đẻ của ông Lương Văn Ch. Năm 1994 -1997, ông Ch sống như vợ chồng với bà Ngô Thị D tại nhà ông Ch. Năm 1997, bà D và ông Ch ra ngoài sống riêng, nhà đất của ông Ch giao lại cho ông L quản lý, sử dụng. Trong thời gian chung sống với bà D, có tạo lập được 02 thửa đất tại xã Đ, Đồng Phú, Bình Phước hiện nay bà D đứng tên gồm:

- Một thửa đất có diện tích đất là 4.579,0m^2, theo số thửa 120, tờ bản đồ 66 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/3/2018 mang tên hộ bà Ngô Thị D, đất toạ lạc tại ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có trồng điều và 01 nhà gỗ, thưng tre lứa, mái lợp ngói; 01 căn nhà xây tình đồng đội và ngôi mộ của ông Ch.

- Một thửa đất có diện tích đất là 4.678,5m^2 và tài sản trên đất, đất có giấy CNQSD đất số: CC 589232, số thửa 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (cấp ngày cũ là 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D nay sang tên cho bà Ngô Thị H đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có trồng điều.

Hai thửa đất trên có tiền của ông Ch bỏ ra mua hay không thì ông L không biết nhưng trước khi ra ở riêng với bà D thì ông Ch có bán một thửa đất (khoảng 01 ha) ở Đồng Tâm được 17 chỉ vàng, ông Ch có cho con trai là ông Ngh một ít để về quê và cho ông L một ít để cưới vợ số còn lại ông Ch giữ và mang theo khi ra ở cùng bà D vào năm 1997. Cây trồng và nhà tranh trên đất là do ông Ch, bà D trồng và làm. Giống cây mua ở đâu thì ông L không biết vì ông L không ở cùng.

Nay ông L yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà D và bà H đối với thửa đất 4.678,5m^2 và tài sản trên đất tại Đội 2, ấp S, xã

Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; đất có giấy CNQSD đất số: CC 589232, số thửa 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (cấp ngày cũ là 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D nay sang tên cho bà Ngô Thị H.

Trước đây, ông L yêu cầu chia số tài sản trên làm 02 phần bà D một nửa, ông Ch một nửa. Tại phiên tòa, đại điện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu, là chia cho ông Ch 04 phần, chia cho bà D 06 phần. Phần của ông Ch giao cho ông L hưởng thừa kế vì các đồng thừa kế khác của ông Ch đã từ chối thừa kế. Ông L có nguyện vọng được lấy phần diện tích đất có ngôi mộ của ông Ch. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Ngô Thị D trình bày:

Bà D là mẹ đẻ của bà Ngô Thị H, ông Mông Văn Ch là con rể; còn ông Ch sống với bà D như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Tháng 01/1994, do có người mai mối nên bà D về nhà ông Ch sống như vợ chồng cùng với hai người con của ông Ch là ông L và ông Ngh.

Đến khoảng tháng 6/1997 do ông L lấy vợ, cuộc sống chung đụng phức tạp nên bà D không sống tại nhà ông Ch nữa mà ra ngoài mua đất làm nhà tranh để ở. Sau khi mua đất, làm nhà tranh, ông Ch ra nhà bà D xin cho ở cùng, ông Ch nói "*nếu bà không cho tôi ở cùng thì tôi cũng không biết sống với ai vì không thể sống cùng ông L*". Bà D thấy thương nên đồng ý cho ông Ch về nhà của mình để ở và trông nom ông Ch cho đến khi ông Ch chết (năm 2015).

Về nguồn gốc của hai thửa đất mang tên bà D và mang tên bà Ngô Thị H (con gái tôi) mà hiện tại ông L đang có tranh chấp là tài sản của riêng của bà D, cụ thể:

- Thửa đất có diện tích 4.051,4m^2 và tài sản trên đất, thửa số 00, tờ bản đồ 00, giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 1984/QSDĐ do UBND huyện Đ cấp ngày 29/4/2008 mang tên hộ bà Ngô Thị D, toạ lạc tại ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Nay bà D đã cấp đổi giấy CNQSD đất này thành giấy CNQSD đất số CK 791910, với diện tích đất tăng lên là 4.579,0m^2, theo số thửa 120, tờ bản đồ 66 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/3/2018 mang tên hộ bà Ngô Thị D. Diện tích đất này có phần mộ của ông Ch và 02 căn nhà (gồm 01 nhà tạm cột gỗ tạp, mái lợp ngói, vách thưng tre nứa và 01 căn nhà xây tình đồng đội, do Hội cựu chiến Binh huyện, xã xây tặng vào tháng 12/2016, xây sau khi ông Ch chết).

Thửa đất này có nguồn gốc là bà D nhận sang nhượng đất của ông Hoàng Phúc Phẳng với diện tích khoảng 04 sào (đo thực tế là 4.579,0m^2), đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Có làm giấy viết tay với giá sang nhượng là 2.400.000 đồng. Số tiền bà D có được để mua đất này là do bà D bán căn nhà và đất có diện tích đất là hơn 01 sào tại ấp 4, xã Đ, huyện Đ (là tài sản riêng của bà D trước khi về ở với ông Ch) cho bà Nguyễn Thị Hương được số tiền là 2.500.000 đồng để mua. Việc bán và mua đất vào khoảng tháng 6/1997, sau khi ra khỏi nhà ông Ch (có giấy tờ mua bán).

Lúc đầu, đất có một số cây điều nhỏ và đất cấy lúa, khoảng năm 1999 -2000, bà D được Hội nông dân xã Đ hỗ trợ giống cây điều cho các gia đình dân tộc

nghèo để trồng. Việc trồng cây do con gái và con rể bà trồng, chăm sóc. Ông Ch đau yếu, bệnh phổi (ho, khó thở) nên không làm được việc nặng, chỉ hỗ trợ việc trông coi nhà cửa, cơm nước; mọi việc ruộng vườn, trồng cấy và đi làm thuê kiếm tiền ăn hàng ngày đều do bà D và bà H làm do vậy bà D là hộ nghèo nhiều năm ở xã Đ.

Về nhà ở, lúc đầu làm nhà tranh đến năm 1998 bà D làm lại căn nhà (cột gỗ, vách thưng tre, nứa, mái lợp ngói). Tiền làm nhà thì bà vay mượn và tự đi kiếm gỗ, tre, còn công làm nhờ mọi người giúp và đổi công cho người khác. Do nghèo nên bà D ở mãi trên căn nhà đó cho đến năm 2016 được Hội cựu chiến binh của xã tặng cho căn nhà tình đồng đội.

- Đối với thửa đất có diện tích đất là 4.678,5m^2 và tài sản trên đất, đất có giấy CNQSD đất số CC 589232, thửa đất 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (cấp ngày cũ là 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D nay sang tên cho bà Ngô Thị H. Đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc của thửa đất này bà D nhận sang nhượng của ông Đặng Văn L (ấp 4, xã Đ, huyện Đ) với diện tích đất là khoảng hơn 02 sào (đo thực tế là 4.678,5m^2), tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ với giá 1.500.000 đồng, có làm giấy viết tay. Tiền để mua đất là tiền tôi sang nhượng cho ông Bế Văn S (đã chết) diện tích đất 06 sào ở Suối Ươi, ấp S, xã Đ (tài sản riêng của bà D có trước khi sống với ông Ch) với giá sang nhượng là 1.5000.000 đồng. Trước đây bà D đã nói cho con gái (bà H) thửa đất này để làm vốn (việc này ông Ch cũng biết), đất lúc đầu trồng lúa, sau này vợ chồng Hương trồng điều và sử dụng cho đến nay, giống Điều là do ương hạt. Năm 2016, bà sang tên cho bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (CS) 03013/ xã Đ do UBND huyện Đ ký cấp ngày 27/6/2016 mang tên bà Ngô Thị H. Toàn bộ cây trồng là Điều trên đất là do con rể và con gái trồng, chăm sóc cho đến nay.

Bà D khẳng định, toàn bộ số đất và tài sản trên đất nói trên là tài sản của bà D tạo lập và có công sức của bà H; Ông Ch không có tiền, vàng đưa cho bà D và cũng không có công sức trong việc tạo lập ra khối tài sản này vì ông Ch khi về ở với bà D đã hết tuổi lao động lại đau yếu thường xuyên do bệnh phổi hen xuyễn, ông Ch không có lương bổng, không có con cái tài trợ tiền bạc. Mọi chi phí sinh hoạt, ốm đau thuốc men, ăn uống của ông Ch từ khi đến sống với bà D cho đến khi chết đều do mẹ con bà D chi phí, lo liệu. Bà D và con gái bà đi làm thuê đủ các công việc để kiếm tiền và chăm sóc vườn cây. Ông Ch chỉ phụ việc nấu cơm trông nhà cửa, không có đóng góp gì trong khối tài sản của mẹ con bà D, không làm ra của cải vật chất gì trong gia đình thể hiện ở việc trong suốt thời gian sống cùng nhau, không có mua sắm được bất cứ vật dụng gì trong nhà ngoài căn nhà tranh làm từ năm 1998 do mẹ con bà tự làm và nhờ người khác giúp đỡ làm. Bà D khẳng định đây không phải là tài sản chung và không đồng ý chia theo yêu cầu của ông L. Đồng thời đề nghị Tòa án công nhận tài sản là tài sản riêng của bà D.

Về hộ khẩu, năm 2002 bà D mới cắt hộ khẩu từ quê vào nhập ở xã Đ nhập chung với ông Ch thành một hộ do ông Ch đứng chủ hộ; sau này bà đổi hộ khẩu để bà đứng tên chủ hộ. Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đất có nguồn gốc của bà nên đứng tên bà, họ ghi hộ nhưng thực chất là của bà D. Năm 2016, bà D được Nhà nước xây nhà tình đồng đội.

Còn ngôi mộ của ông Ch, thì trước khi ông Ch chết, ông Ch có nói với bà D là ông L bán hết đất của ông Ch đi rồi, ông chết không có chỗ chôn nên bà D có hứa với ông Ch nếu chết sẽ chôn ông Ch trên đất của bà vì vậy bà D không có ý kiến gì về ngôi mộ.

Ngoài ra bà D không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H do bà D làm đại diện trình bày:

Thửa đất có diện tích đất là 4.678,5m^2 và tài sản trên đất, đất có giấy CNQSD đất số: CC 589232, số thửa 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (cấp ngày cũ là 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D nay sang tên cho bà Ngô Thị H. Đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước là tài sản riêng của bà D tặng cho bà H, có công sức của bà H trong việc trồng cây, chăm sóc, tôn tạo nên bà H không đồng ý theo yêu cầu của ông L. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mông Văn Ch trình bày:

Ông Ch là chồng của bà Ngô Thị H, là con rể của bà Ngô Thị D. Ông Ch thừa nhận là trước đây bà D có cho bà H thửa đất có diện tích 4.678,5m^2 và tài sản trên đất, đất có giấy CNQSD đất số CC 589232, số thửa 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (cấp ngày cũ là 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D nay sang tên cho bà Ngô Thị H. Đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Từ năm 2000, sau khi kết hôn với bà H, ông Ch đã cùng bà H canh tác trên thửa đất này. Đất lúc đầu trồng lúa sau này Ông Ch và bà H trồng điều. Giống điều là do vợ chồng ông và bà D ươm hạt để trồng. Toàn bộ cây trồng trên hai thửa đất của bà D và của bà H đều do tay vợ chồng ông trồng, chăm sóc, xịt thuốc, làm cỏ, có sự trợ giúp của bà D. Còn ông Ch lúc đó đau yếu, bị bệnh phổi khó thở không làm được, ông Ch còn thường xuyên phải đi bệnh viện khám, chữa, lấy thuốc uống, các lần đi đều do ông Ch, bà H đưa đi, bà D đi chăm sóc, thi thoảng có nhờ hàng xóm đưa đi. Ông Ch khẳng định khi còn sống ông Ch không đóng góp công sức gì trong các tài sản nói trên. Do đất xấu nên cây điều không có nhiều trái, khi thu hoạch ông bà vẫn để cho bà D thu để lấy tiền sinh sống. Ông Ch không có ý kiến gì trong vụ án này, mọi vấn đề do bà H và bà D quyết định. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Ngh trình bày:

Ông Ngh là con ruột của ông Lương Văn Ch. Năm 1994 ông Ch chung sống với bà Ngô Thị D không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Ch và bà D không tạo được khối tài sản chung gì, tài sản mà bà Ngô Thị D đang quản lý là ông Ch bán đất đai ở xã Q, huyện Tr, tỉnh L để mua. Năm 2015 ông Ch chết không để lại di chúc, chỉ nói là ông L có trách nhiệm nuôi dưỡng bà Ngô Thị D, khi nào bà D chết thì ông L được quyền quản lý toàn bộ diện tích nà hiện nay đang có tranh chấp. Ngoài ra, ông Ch không có tài sản nào khác. Nay ông L yêu cầu được chia ½ tài sản mà bà D đang quản lý, ông Ngh nhất trí và không yêu cầu quản lý, sử dụng đối với diện tích đất mà bà D đang quản lý hiện nay.

Do ở xa nên ông Ngh xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải

quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn X trình bày:

Ông X là con ruột của ông Lương Văn Ch. Năm 1994 ông Ch chung sống với bà Ngô Thị D không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Ch và bà D không tạo được khối tài sản chung gì, tài sản mà bà Ngô Thị D đang quản lý là ông Ch bán đất đai ở xã Q, huyện Tr, tỉnh L để mua. Năm 2015 ông Ch chết không để lại di chúc, chỉ nói là ông L có trách nhiệm nuôi dưỡng bà Ngô Thị D, khi nào bà D chết thì ông L được quyền quản lý toàn bộ diện tích mà hiện nay đang có tranh chấp. Ngoài ra ông Ch không có tài sản nào khác. Nay ông L yêu cầu được chia ½ tài sản mà bà D đang quản lý ông X nhất trí và không yêu cầu quản lý, sử dụng đối với diện tích đất mà bà D đang quản lý hiện nay. Do ở xa nên ông X xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn H trình bày:

Ông Hữu là con ruột của ông Lương Văn Ch. Năm 1994 ông Ch chung sống với bà Ngô Thị D không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Ch và bà D không tạo được khối tài sản chung gì, tài sản mà bà Ngô Thị D đang quản lý là ông Ch bán đất đai ở xã Q, huyện Tr, tỉnh L để mua. Năm 2015 ông Ch chết không để lại di chúc, chỉ nói là ông L có trách nhiệm nuôi dưỡng bà Ngô Thị D, khi nào bà D chết thì ông L được quyền quản lý toàn bộ diện tích mà hiện nay đang có tranh chấp. Ngoài ra ông Ch không có tài sản nào khác. Nay ông L yêu cầu được chia ½ tài sản mà bà D đang quản lý ông Hữu nhất trí và không yêu cầu quản lý, sử dụng đối với diện tích đất mà bà D đang quản lý hiện nay. Do ở xa nên ông Hữu xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N trình bày:

Bà Năm là con ruột của ông Lương Văn Ch. Năm 1994 ông Ch chung sống với bà Ngô Thị D không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Ch và bà D không tạo dược khối tài sản chung gì, tài sản mà bà Ngô Thị D đang quản lý là ông Ch bán đất đai ở xã Q, huyện Tr, tỉnh L để mua. Năm 2015 ông Ch chết không để lại di chúc, chỉ nói là ông L có trách nhiệm nuôi dưỡng bà Ngô Thị D, khi nào bà D chết thì ông L được quyền quản lý toàn bộ diện tích mà hiện nay đang có tranh chấp. Ngoài ra ông Ch không có tài sản nào khác. Nay ông L yêu cầu được chia ½ tài sản mà bà D đang quản lý bà Năm nhất trí và không yêu cầu quản lý, sử dụng đối với diện tích đất mà bà D đang quản lý hiện nay. Bà Năm có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Th trình bày: ônh Thắng là con ruột của ông Lương Văn Ch. Năm 1993 ông Ch chung sống với bà Ngô Thị D không có đăng ký kết hôn. Năm 2015 ông Ch chết (không rõ có để lại di chúc hay không). Phần di sản của ông Ch chết để lại (nếu có) mà ông Thắng được hưởng thì ông Thắng xin từ chối nhận mà giao lại cho ông Lương Văn L được nhận. Do ở xa nên ông Thắng xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người đại đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng B trình bày:

Vào ngày 27/5/2016, Văn phòng công chứng B tiếp nhận và giải quyết yêu cầu tặng cho quyền sử dụng đất (QSĐ) đối với thửa đất theo giấy chứng nhận số phát hành CC 589232, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02834/Đồng Tiến do UBND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước cấp ngày 02/12/2015 của bà Ngô Thị Duyên.

Tại thời điểm công chứng hợp đồng tặng cho, tất cả các giấy tờ mà bà Duyên cung cấp đều rõ ràng và hợp lệ nên Văn phòng công chứng Bình Phước không đề nghị người yêu cầu công chứng là bà Duyên xác minh theo quy định tại khoản 5, điều 40, Luật Công Chứng. Các bên có cam kết là không còn ai là đồng sở hữu, sử dụng tài sản này và việc xác lập giao dịch tặng cho này không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khác nên việc công chứng hợp đồng tặng cho là không trái với quy định của pháp luật về công chứng. Văn phòng Công chứng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn L về việc chia di sản thừa kết và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị D và bà Ngô Thị H vào ngày 27/5/2016.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị D

Công nhận thửa đất có diện tích 4.579,0m^2, thuộc thửa số 120, tờ bản đồ số 66 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/3/2018 mang tên hộ bà Ngô Thị D (cấp lần đầu là 29/4/2008) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là tài sản của bà Ngô Thị D.

Công nhận thửa đất có diện tích 4.678,5m^2 và tài sản trên đất, đất có giấy CNQSD đất số: CC 589232, số thửa 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (cấp ngày cũ là ngày 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D nay sang tên cho bà Ngô Thị H. Đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà Ngô Thị D đã tặng cho bà Ngô Thị H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 31/8/2022 nguyên đơn ông Lương Văn L có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Ngô Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký

phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Văn L; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định; đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về xác định người thừa kế của ông Ch:

Bà Ngô Thị D chung sống như vợ chồng với ông Lương Văn Ch từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn nên về hôn nhân bà D và ông Ch không được công nhận là vợ chồng(quy định tại Thông tư 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn Mục 3, Nghị quyết 35/2000/QH10). Do bà D không phải là vợ hợp pháp của ông Ch nên không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch do đó bà D không được hưởng di sản thừa kế của ông Ch.

Bà Nguyễn Thị Hương là con riêng của bà D, không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Chịnh nên cũng không được hưởng di sản thừa kế của ông Ch.

Cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch gồm có ông Lương Văn X, ông Lương Văn Ngh, ông Lương Văn H, ông Lương Văn Th, ông Lương Văn L và bà Lương Thị N là đúng quy định pháp luật về thừa kế.

[2.2] Đánh giá về nguồn gốc đối với thửa đất có diện tích 4.579,0m^2, thuộc thửa số 120, tờ bản đồ số 66 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/3/2018 mang tên hộ bà Ngô Thị D (cấp lần đầu là ngày 29/4/2008).

Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà cấp 4 diện tích là 47,5m^2 (kết cấu tường xây tô, mái lợp tôn, không đóng la phông, nền gạch men). Đây là căn nhà tình đồng đội do Hội cựu chiến Binh huyện, xã xây tặng vào tháng 12/2016; 01 căn nhà tạm có diện tích 116, 72m^2 xây dựng năm 1998; 01 chuồng heo có diện tích 37,4m^2 xây năm 1998; 01 chuồng heo có diện tích 10,7m^{2}xây năm 2002 và một số cây trồng khác (cây Điều, tre; chuối, xoài, mít). Ngoài ra trên đất còn có một ngôi mộ của ông Ch.

Nguồn gốc thửa đất này bà D khai mua của ông Hoàng Phúc Phẳng vào tháng 6/1997 với giá 2.400.000 đồng, trả làm 02 lần (đến tháng 01/1998 mới trả hết tiền vào làm giấy tờ). Khi mua bán chỉ có bà D là người trực tiếp giao dịch, ký

giấy tờ mua bán. Nguồn tiền để mua đất là từ nguồn tiền đã bán căn nhà và đất có diện tích đất hơn 01 sào tại ấp 4, xã Đ, huyện Đ cho bà Nguyễn Thị Hương với số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và bà D đã sử dụng số tiền này để mua đất. Lời trình bày của bà D được bà chứng minh bằng các giấy tờ mua bán sang nhượng đất viết tay giữa bà với ông Nguyễn Phúc Ph và được bà Nguyễn Thị Hương, bà Hoàng Thị Nọng (vợ ông Phẳng) xác nhận.

Ông Lương Văn L khai rằng năm 1997 khi sống chung với bà D thì ông Ch có mang theo 10 chỉ vàng và góp vốn mua đất cùng với bà D. Tuy nhiên, ông L chỉ trình bày mà không có chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình là có thật nên không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định thửa đất này là tài sản riêng của bà D có trước khi sống với ông Ch là đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với thửa đất có diện tích là 4.678,5m^2 và tài sản trên đất, thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (ngày cấp cũ là 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D (đã tặng cho và sang tên cho bà Ngô Thị H vào năm 2016). Đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có trồng 101 cây điều (có 42 cây trồng năm 2003 và 59 cây trồng năm 2017).

Nguồn gốc của thửa đất này bà D khai nhận sang nhượng của ông Đặng Văn L vào năm 1999 với diện tích đất khoảng hơn 02 sào (đo thực tế là 4.678,5m^2), tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ với giá 1.500.000 đồng, có làm giấy viết tay. Số tiền để mua đất là tiền bà D sang nhượng cho ông Bế Văn S (đã chết) diện tích đất 06 sào ở Suối Ươi, ấp S, xã Đ với giá sang nhượng là 1.5000.000 đồng cũng vào năm 1999.

Trước đây, khi ông Ch còn sống bà D đã nói cho bà H thửa đất này để làm vốn; thời gian đầu đất trồng lúa, sau này vợ chồng bà H trồng điều và sử dụng cho đến nay, giống điều là do được Nhà nước hỗ trợ giống và ươm hạt trồng thêm. Năm 2016, bà D sang tên cho bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (CS) 03013/xã Đ do UBND huyện Đ ký cấp ngày 27/6/2016 mang tên bà Ngô Thị H. Toàn bộ cây trồng là điều trên đất do con rể và con gái bà trồng, chăm sóc cho đến nay.

Ông Lương Văn L khai rằng thửa đất hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Ch, bà D và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Ngô Thị D, mà trong hộ có tên ông Lương Văn Ch, bà D và con gái bà D là bà H) nên đây là tài sản chung của vợ chồng.

Như phân tích ở phần trên, mặc dù bà D chung sống chung với ông Chịch vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn, do đó về hôn nhân bà D và ông Ch không được công nhận là vợ chồng nên không mặc nhiên xem là tài sản chung "của vợ chồng" do được hình thành trong thời gian sống chung. Nhận định của cấp sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên " Hộ bà Ngô Thị D": Xét thấy hộ khẩu có tên ông Ch, tuy nhiên hộ khẩu này có sau khi các quyền sử dụng đất trên được lập cho bà D. Hơn nữa, người có tên trong hộ khẩu là có chung quyền sử dụng đất mà phải có đủ 02 điều kiện *"Có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng...có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất..."*

. Tuy nhiên, ông L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc ông Ch có đóng góp vào việc mua chung thửa đất nói này. Ngược lại, trình bày của bà D được chứng minh bằng các giấy tờ mua bán giữa bà D với ông Đặng Văn L và được bà Tư Thị T (vợ ông L) và ông Bế Hoàng Th (con ông Bế Hoàng S) và vợ chồng bà H xác nhận. Do đó, cấp sơ thẩm xác định thửa đất này là tài sản riêng của bà D là đúng quy định pháp luật.

[4] Về tài sản trên đất gồm cây điều và nhà tạm trên đất:

Ông Lương Văn L cho rằng cây trồng trên đất và nhà tạm trên đất là do ông Ch, bà D bỏ tiền ra mua giống cây trồng và xây dựng.

Bà D cho rằng cây điều trên đất có một phần là do Hội nông dân của xã Đồng Tâm (cũ) hỗ trợ giống cho bà con nông dân nghèo nên bà không phải mua, các cây trồng dặm vào những năm sau này là do bà đã tự ươm giống và trồng bổ sung. Lời trình bày của bà D phù hợp với biên bản xác minh tại Hội nông đân xã Đ cung cấp nên lời trình bày của bà D là có cơ sở được HĐXX chấp nhận.

[5] Đối với căn nhà tranh, mái ngói, cột kèo bằng gỗ tạm, được bà D và ông Ch cùng bà H tạo dựng vào năm 1998, bà D cũng thừa nhận ông Ch cũng có công phụ bà trong việc dựng nhà, còn tiền mua gỗ và công làm do bà D đi vay mượn và đổi công. Các công trình phụ như chuồng trại tạm để chăn nuôi heo là nguồn tiền do bà D vay vốn Ngân hàng làm nhưng do dịch bệnh nên không chăn nuôi được. Tiền vay vốn Ngân hàng cũng do bà D và bà H đi làm thuê kiếm tiền về để trả Ngân hàng. Căn nhà cấp 4 (nhà tình đồng đội) bà D được Hội cựu chiến binh huyện, xã xây tặng vào năm 2016 (sau khi ông Ch chết).

Bà D trình bày từ năm 1994 đến khoảng tháng 6 năm 1997 bà D sống tại nhà ông Ch, do mâu thuẫn nên bà bỏ về nhà bà sống, không mang theo bất cứ thứ gì (mọi thứ để lại cho ông Ch và ông L). Sau khi đi khỏi nhà ông Ch bà mua đất, làm nhà tranh để mẹ con bà ở, sau đó ông Ch mới xin bà cho ra ở cùng vào khoảng gần cuối năm 1997, khi ông Ch xin ra ở với bà D lúc đó ông Ch đã 58 tuổi, sức khỏe của ông Ch không được tốt, ông Ch có bệnh về phổi, hay khó thở, không làm được việc nặng, chỉ ở nhà giúp bà trông coi nhà cửa, vườn tược để bà D, bà H đi làm thuê kiếm tiền sinh hoạt cho cả gia đình và chăm sóc ông Ch lúc ốm đau tuổi già.

Lời trình bày của bà D phù hợp với các Biên bản xác minh của Hội cựu chiến binh xã Đ và những người sống ở gần đó xác nhận hoàn cảnh của bà D. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tài sản ghi nhận căn nhà tranh tre, vách nứa mà bà D cùng ông Ch sống từ năm 1998 cho đến khi ông Ch chết (năm 2015), ngoài căn nhà tranh bà D không có tài sản nào có giá trị. Điều này phù hợp với hoàn cảnh thực tế gia đình bà D luôn là hộ nghèo cho đến năm 2016 (sau khi được tặng nhà tình nghĩa) bà D mới được xóa hộ nghèo.

[6] Xét công sức đóng góp của ông Ch. Theo lời trình bày của ông L thì ông Ch cũng có một phần công sức trong việc cùng bà D trông nom, duy trì khối tài sản nói trên. Tuy nhiên, trong thời gian ông Ch sống cùng bà D, ông Ch đã hết tuổi lao động, không có lương, không có trợ cấp từ cơ quan tổ chức hay cá nhân nào và cũng không nhận được trợ cấp từ các con ruột của ông Ch (kể cả ông Lương Văn L). Toàn bộ tài sản là nhà đất của ông Ch khi ra sinh sống cùng với bà D đều để lại cho ông Lương Văn L quản lý, sử dụng. Mọi sinh hoạt ăn, mặc, ở, đi lại, thuốc

men lúc ốm đau và các chi phí khác cho đến khi ông Ch chết (ở tuổi 75) đều do bà D lo liệu, chăm sóc có sự trợ giúp của vợ chồng bà H, ông Ch (con gái và con rể của bà D) và hàng xóm; phần mộ của ông Ch xây trên đất thì bà D cũng là người trông nom. Như vậy, công sức đóng góp của ông Ch cũng chỉ đủ đảm bảo duy trì cuộc sống của ông Ch trong thời gian sống cùng bà D (trên 18 năm).

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Văn L không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Văn L; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[8] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Văn L;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào các điều 633, 634, 635, 676 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1, Điều 623, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48, 50 của Luật đất đai năm 2003;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn L về việc chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị D và bà Ngô Thị H vào ngày 27/5/2016;

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị D: Công nhận thửa đất có diện tích 4.579,0m^2, thửa số 120, tờ bản đồ số 66 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/3/2018 mang tên hộ bà Ngô Thị D (cấp lần đầu là 29/4/2008) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là tài sản của bà Ngô Thị D.

Công nhận thửa đất có diện tích 4.678,5m^2 và tài sản trên đất, đất có giấy CNQSD đất số: CC 589232, thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 72 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/12/2015 (cấp ngày cũ là ngày 29/11/2008) mang tên hộ bà Ngô Thị D

nay sang tên cho bà Ngô Thị H. Đất tọa lạc tại Đội 2, ấp S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà Ngô Thị D đã tặng cho bà Ngô Thị H.

Các vấn đề khác, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Văn L phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010730 ngày 19/02/2019 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0011498 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Hoàn lại cho ông L số tiền 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền nói trên.

Bị đơn bà Ngô Thị D không phải chịu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lương Văn L phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0018908 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thanh Thảo